



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Công nghiệp cao su Miền Nam

Ngày 30/09/2025	14,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.6%	10.7%	9.3%

DT thuần Q3/25
1,028
tỷ VNĐ
QoQ: ▼78.0 -7.1%
YoY: ▼79.0 -7.2%

LN thuần Q3/25
30.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.70 27.7%
YoY: ▲ 12.8 70.7%

LN sau thuế Q3/25
26.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.1 71.6%
YoY: ▲ 3.90 17.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
2.9%
YoY: +/-▼ 0.7%

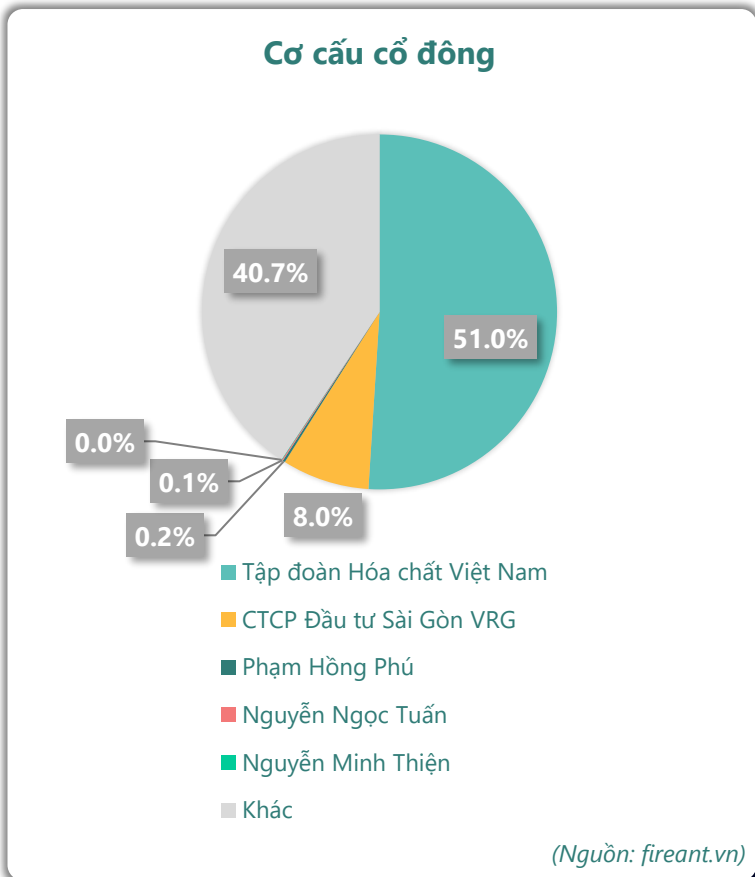
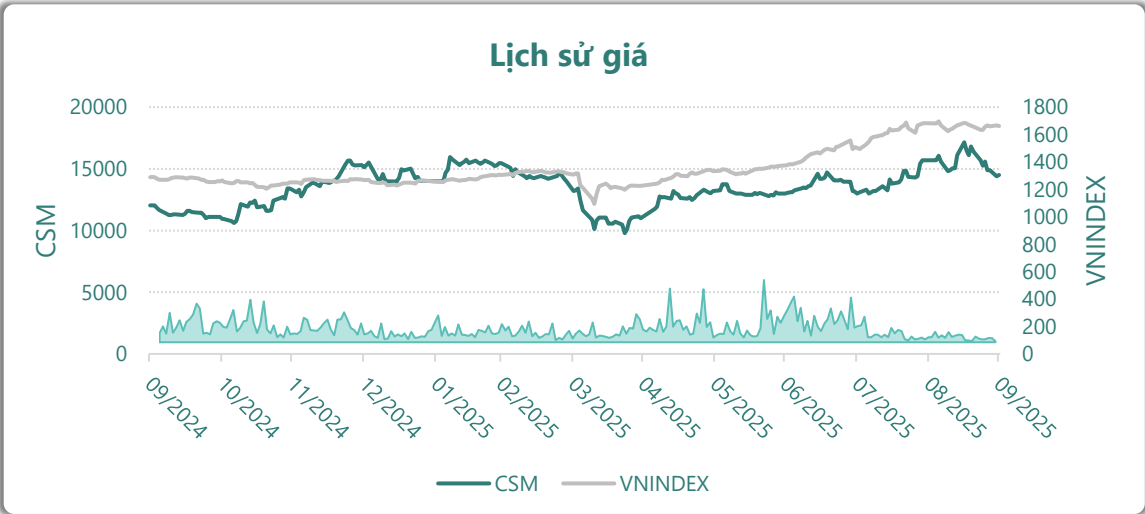
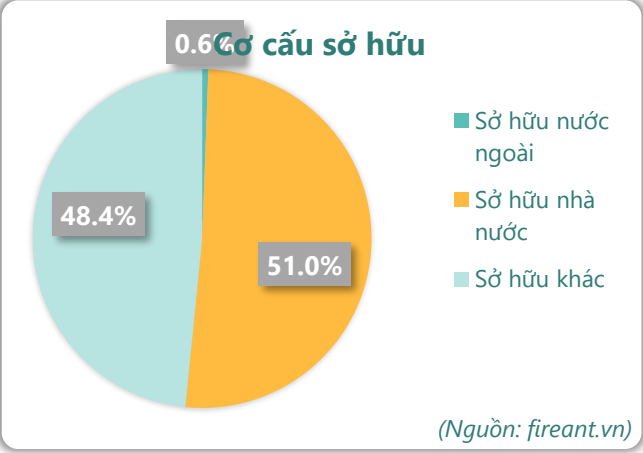
ROE (TTM) Q3/25
5.4%
YoY: +/-▲ 0.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,786 - 17,150
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,503
Số lượng CPLH (CP)	103,625,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,540,400
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	1.18
EPS	718
P/E	20.2

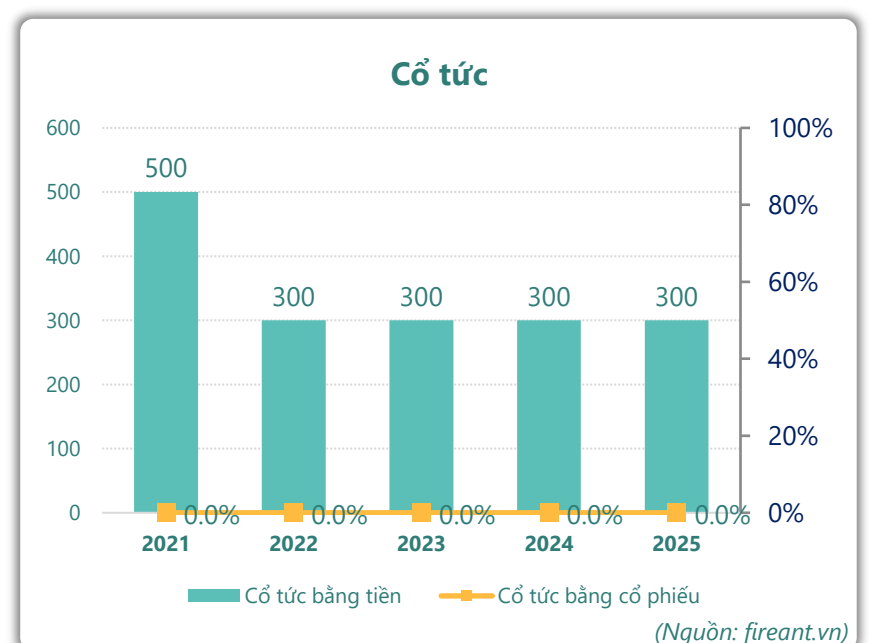
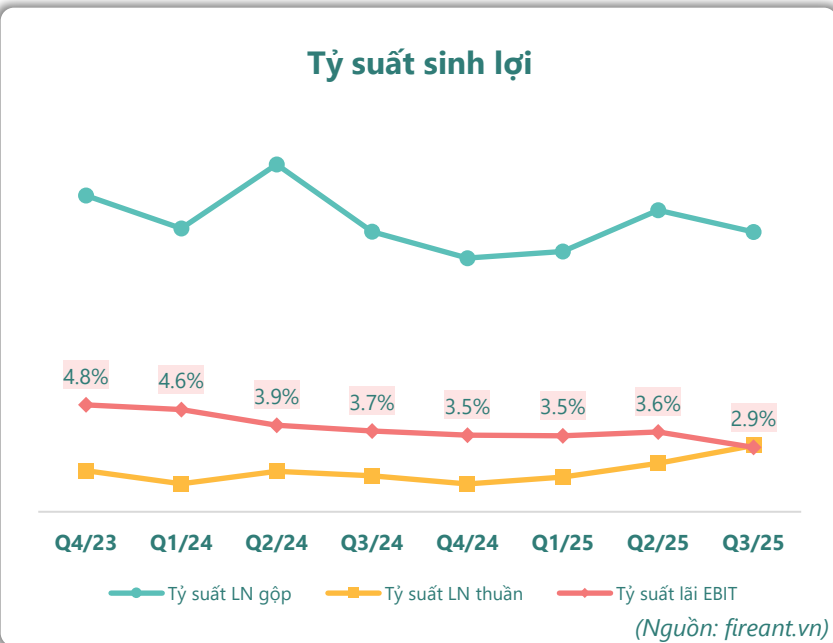
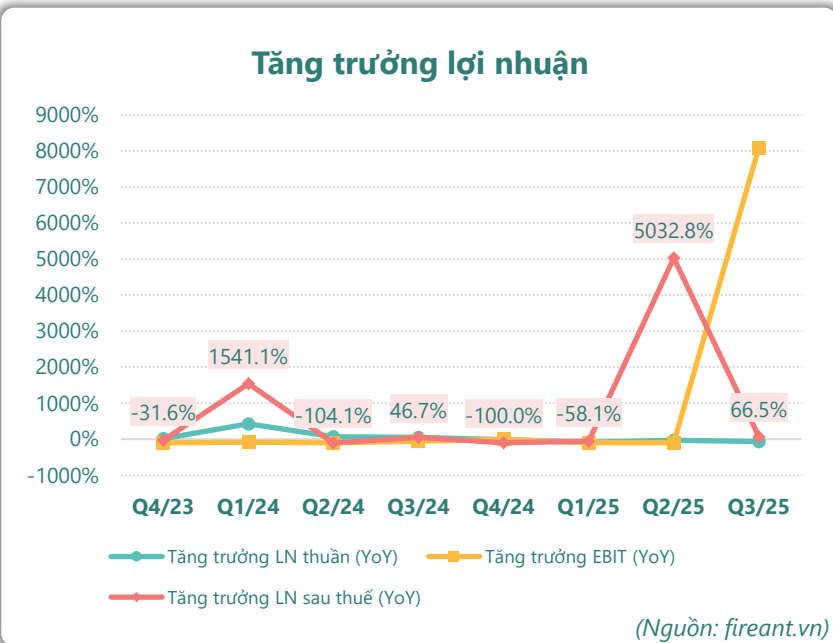
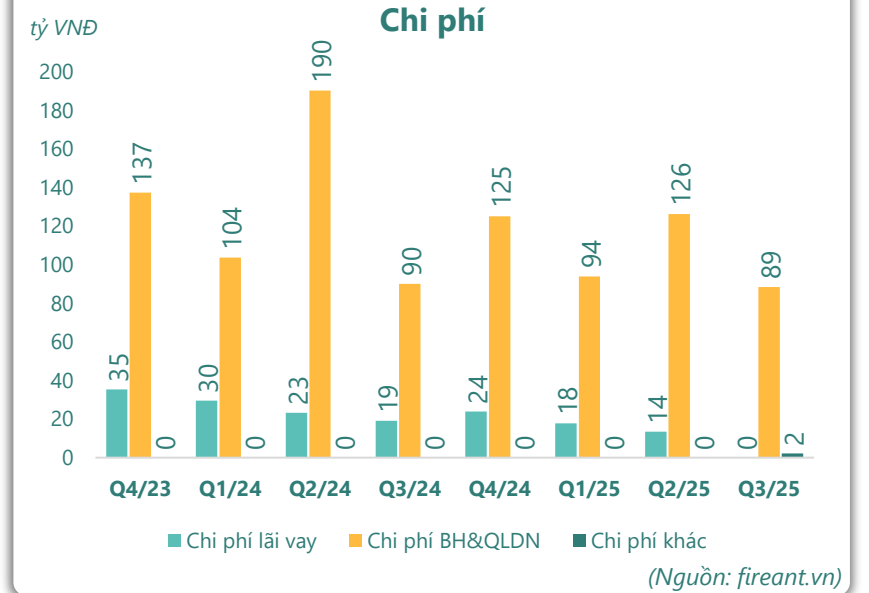
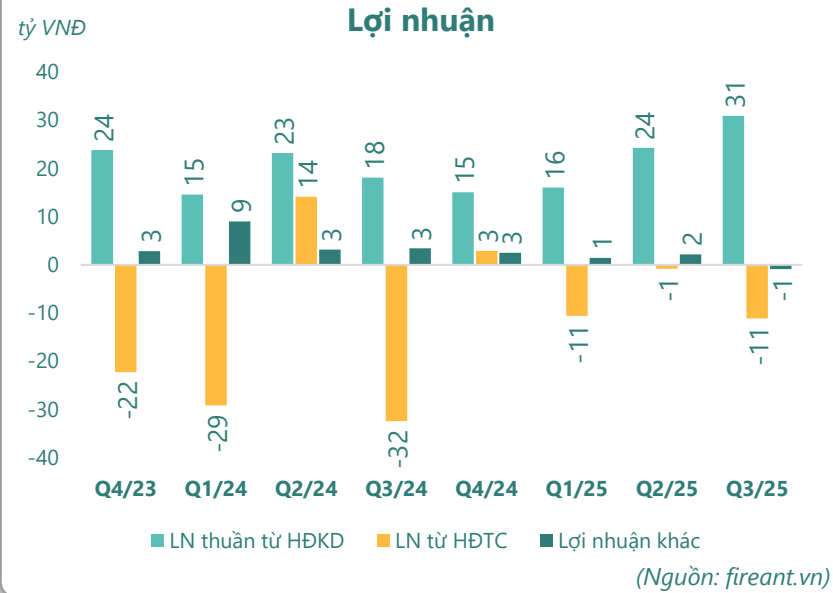
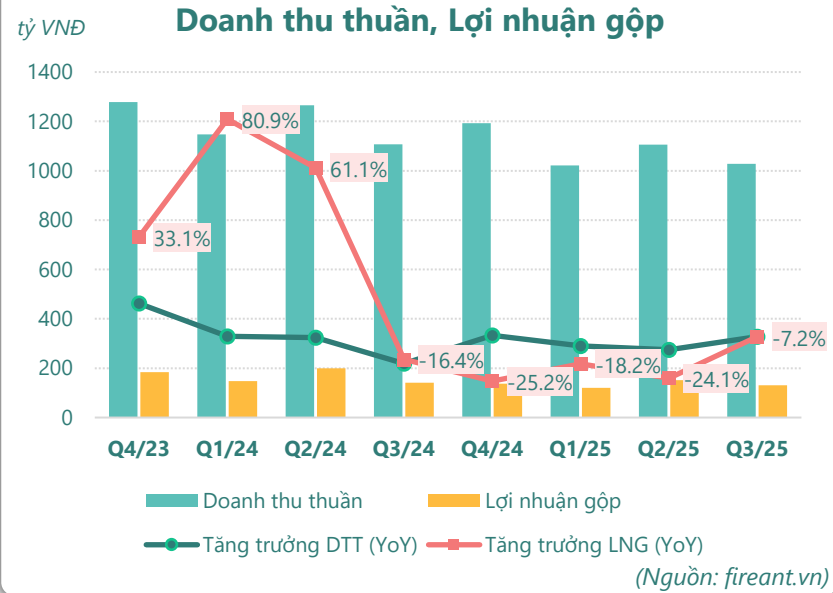
DT thuần 9T 2025
3,155
tỷ VNĐ
YoY: ▼365 -10.4%

LN thuần 9T 2025
71.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.3 27.3%

LN sau thuế 9T 2025
61.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.90 -3.1%



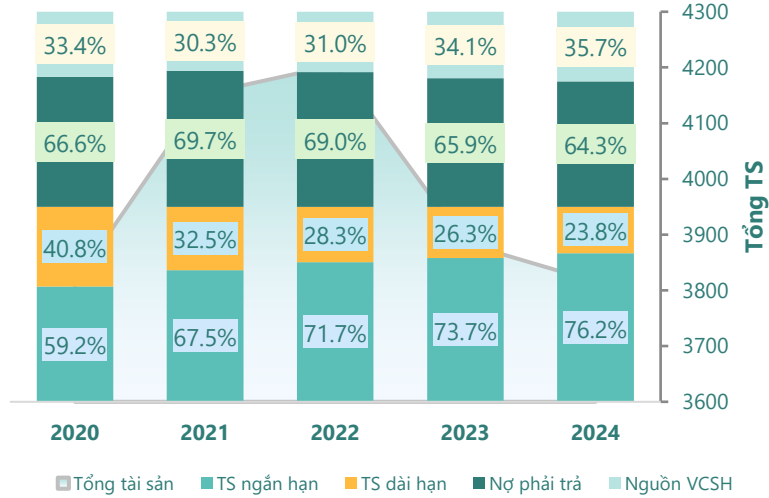
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

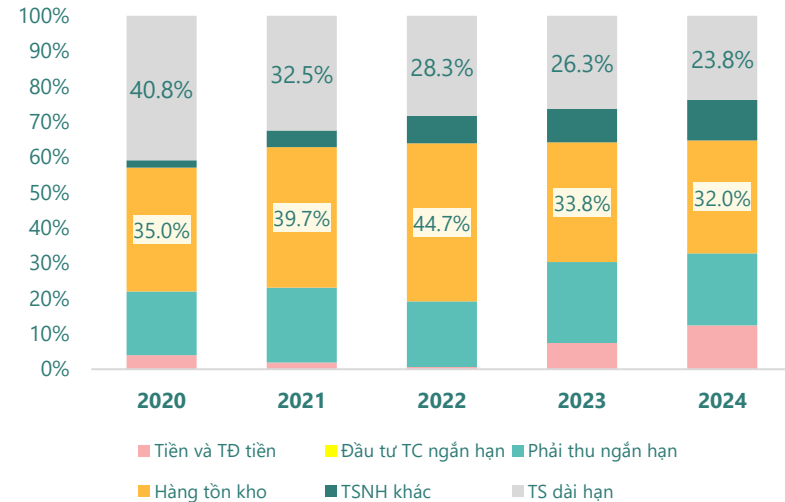
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

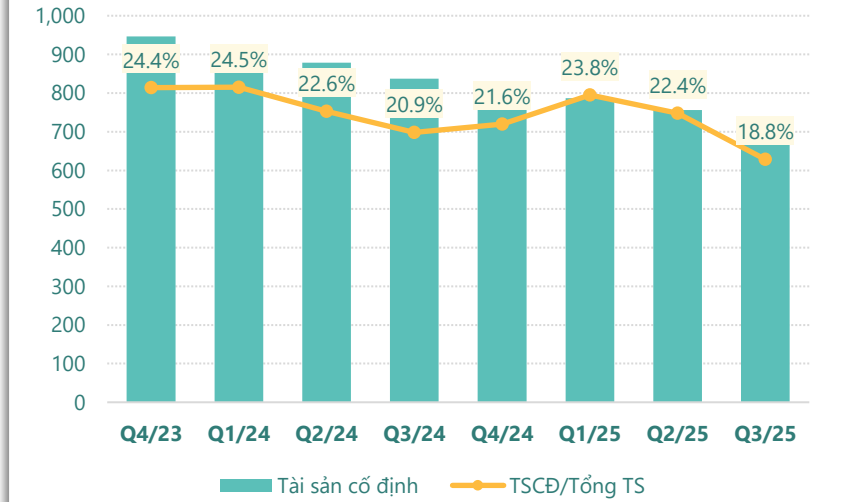
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

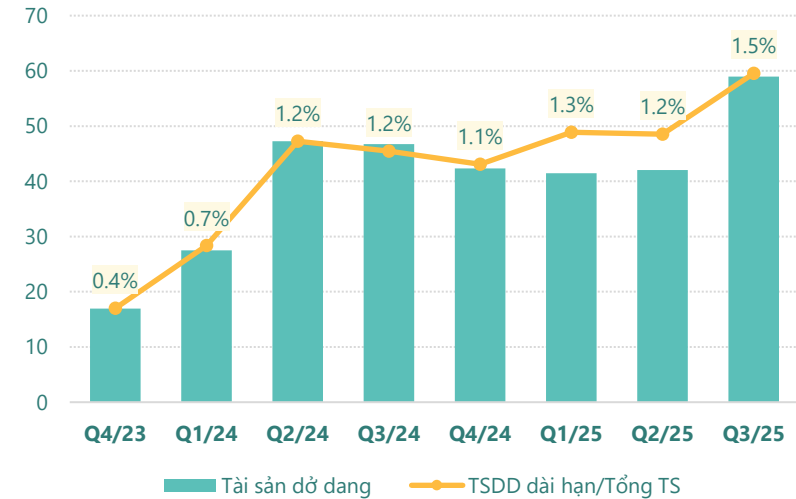
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

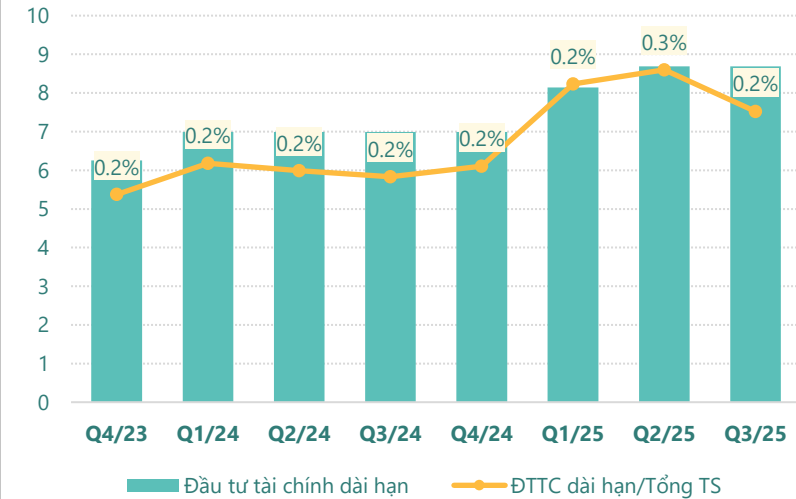
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

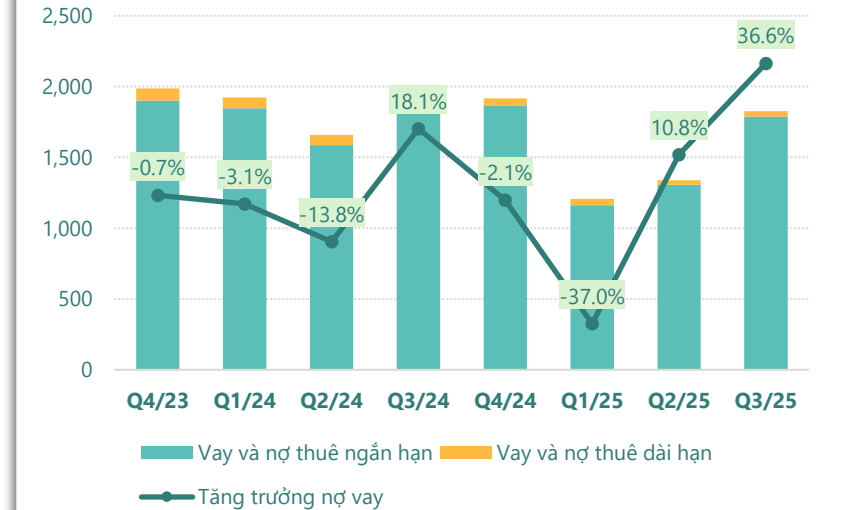
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

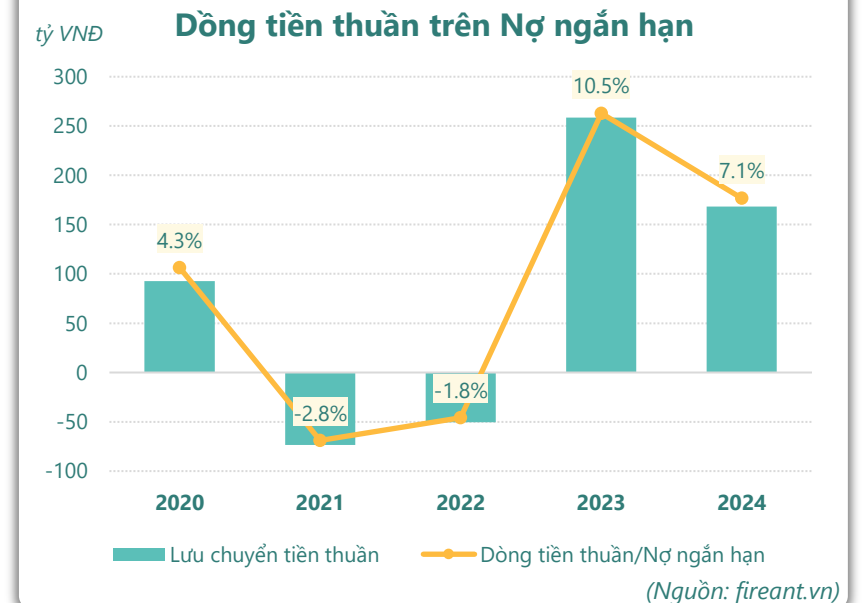
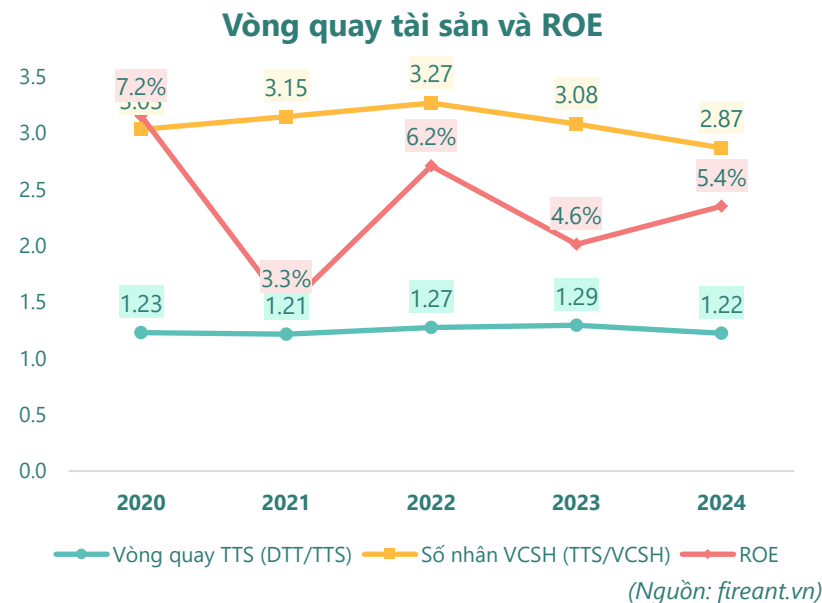
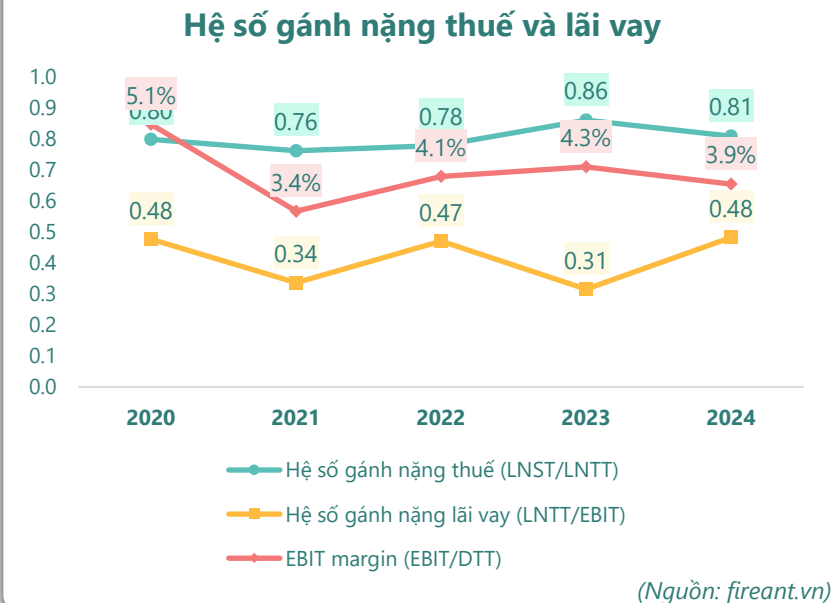
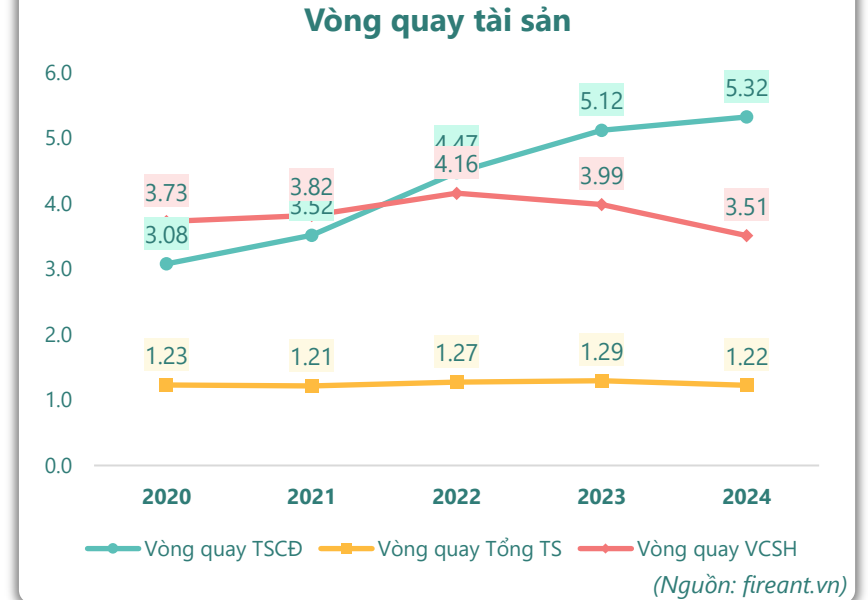
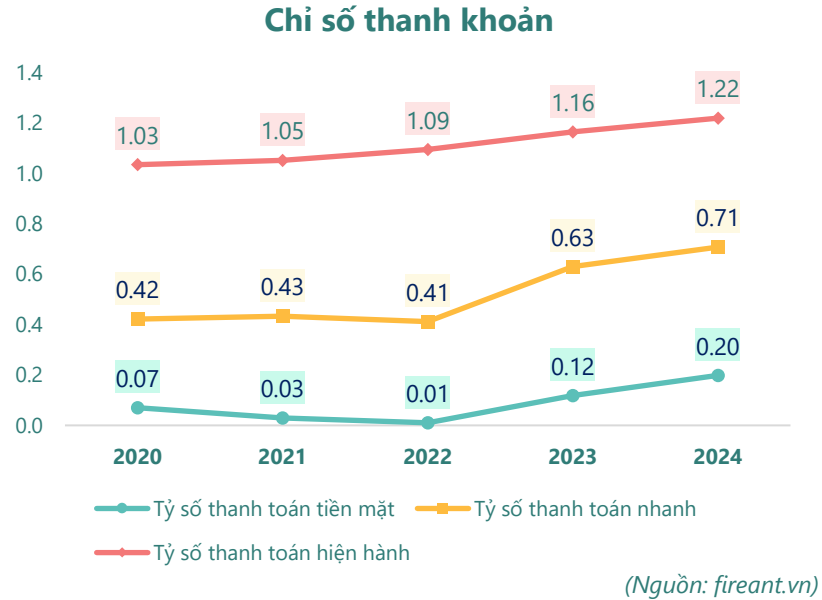
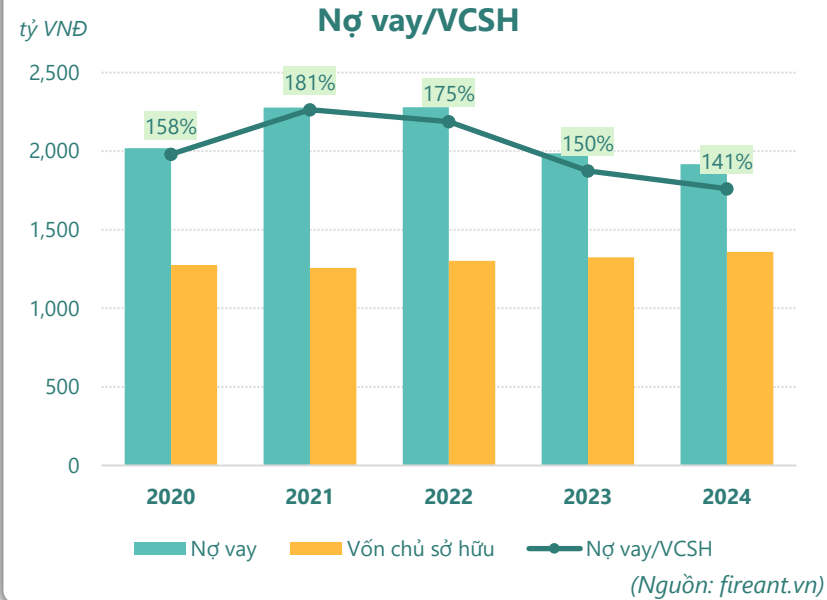
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,028	1,107	-7.2%	3,155	3,520	-10.4%
Giá vốn hàng bán	897	967	-7.2%	2,752	3,032	-9.2%
Lợi nhuận gộp	131	141	-7.4%	403	488	-17.5%
Doanh thu HĐTC	11.2	8.31	34.7%	36.4	51.2	-29.0%
Chi phí TC	22.3	40.7	-45.2%	58.8	98.7	-40.4%
Chi phí lãi vay	0	19.0	-100%	31.3	71.9	-56.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	28.1	23.5	19.6%	139	163	-14.8%
Chi phí QLDN	60.5	66.7	-9.4%	170	221	-23.2%
LN thuần từ HĐKD	30.9	18.1	70.7%	71.2	55.9	27.3%
Lợi nhuận khác	-0.87	3.41	-125%	2.76	15.6	-82.3%
LN trước thuế	30.0	21.5	39.7%	73.9	71.5	3.4%
Lợi nhuận sau thuế	26.6	22.7	17.2%	61.6	63.5	-3.1%
LNST của CĐ cty mẹ	26.6	22.7	17.2%	61.6	63.5	-3.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	520	-328	173	368	101	-248
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.4	11.9	-29.9	1.90	-6.72	-21.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-292	300	-41.5	-709	99.2	490
Tiền đầu kỳ	145	341	357	473	140	331
Lưu chuyển tiền thuần	208	-16.0	102	-339	193	221
Ảnh hưởng tỷ giá	-11.7	31.6	14.7	5.69	-1.87	11.6
Tiền cuối kỳ	341	357	473	140	331	564

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,850	3,815	0.9%
Tài sản ngắn hạn	3,039	2,908	4.5%
Tiền và tương đương tiền	564	473	19.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	847	776	9.2%
Hàng tồn kho	1,135	1,220	-7.0%
Tài sản ngắn hạn khác	493	438	12.5%
Tài sản dài hạn	812	907	-10.6%
Phải thu dài hạn	0.04	0.99	-96.3%
Tài sản cố định	726	824	-11.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	59.0	42.3	39.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.69	6.99	24.3%
Tài sản dài hạn khác	18.2	33.3	-45.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,467	2,455	0.5%
Nợ ngắn hạn	2,418	2,385	1.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,789	1,868	-4.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	277	265	4.7%
Nợ dài hạn	49.8	70.4	-29.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	37.8	48.7	-22.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,383	1,360	1.7%
Vốn chủ sở hữu	1,383	1,360	1.7%
Vốn điều lệ	1,036	1,036	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

